

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2026.

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bế Văn Huế

Bà Lê Thị Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:** Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1983 (vắng mặt);

* Bị đơn: Anh Hà Văn Q, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn N, xã X, tỉnh Thái Nguyên nay là thôn L, xã X, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn
chị Nông Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N và anh Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã X, tỉnh Thái Nguyên) năm 2014. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 anh Q thường xuyên uống rượu và chửi bới vợ con nên vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Chị N đã nhiều lần khuyên ngăn anh Q nhưng anh Q không nghe. Từ năm 2020 anh Q đã nhiều lần đuổi chị N ra khỏi nhà nên chị N

phải nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên là Hà Thúy S, sinh ngày 22/8/2015. Ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2026 bị đơn anh Hà Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Q và chị N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã X, tỉnh Thái Nguyên) năm 2014. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2024 chị N đi làm công ty để kiếm tiền lo cho gia đình, trong thời gian chị N đi làm vợ chồng không có mâu thuẫn gì, cuối tuần chị N vẫn thường về nhà. Anh Q thừa nhận anh Q thường xuyên đi uống rượu tuy nhiên anh Q không được chửi mắng vợ con hay đuổi chị N ra khỏi nhà. Đã có một lần chị N gọi chính quyền địa phương đến giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng nguyên nhân là do chị N tự chửi mắng anh Q và tự gọi chính quyền địa phương xuống giải quyết. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh Q không nhất trí ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên là Hà Thúy S, sinh ngày 22/8/2015. Trong trường hợp ly hôn anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2026 về tình trạng hôn nhân của chị Nông Thị N và anh Hà Văn Q, bà Mông Thị N1 cho biết:

Chị N là con đẻ còn anh Q là con rể của bà N1. Anh Q và chị N kết hôn năm 2014, sau khi kết hôn thì chị N về nhà chồng sinh sống tại thôn N, xã X, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian chị N và anh Q chung sống với nhau bà N1 không biết anh chị có mâu thuẫn gì do nhà bà N1 và nhà vợ chồng chị N cách xa nhau. Từ khoảng năm 2025 thì bà N1 thấy chị N nói với bà là đã sống ly thân với anh Q và gần đây thì chị N nói muốn ly hôn với anh Q. Trong trường hợp chị N và anh Q ly hôn mà chị N được trực tiếp nuôi con Hà Thúy S thì bà N1 nhất trí cho chị N về chung sống cùng bà và bà sẽ giúp chị N trông nom, chăm sóc cháu S lúc chị N đi làm xa nhà. Hiện nay bà N1 đang sống trong căn nhà sàn rộng khoảng 100m² đầy đủ điều kiện cho mẹ con chị N sinh sống. Nhà bà N1 hiện nay có 5 thành viên là bà N1, vợ chồng em trai chị N và 2 cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2026 về tình trạng hôn nhân của chị Nông Thị N và anh Hà Văn Q, bà Hứa Thị D cho biết:

Bà D là mẹ đẻ của anh Hà Văn Q còn chị N là con dâu của bà. Anh Q và chị N kết hôn năm 2014, sau khi kết hôn thì vợ chồng anh Q sống chung cùng bà D khoảng 2 năm sau đó chuyển ra ở riêng cách nhà bà khoảng 50m. Lúc mới cưới anh Q thì thoảng đi uống rượu và xảy ra mâu thuẫn với chị N. Khoảng 3 năm trở

lại đây thì ngày nào anh Q cũng uống rượu say xỉn và thường xuyên chửi mắng chị N. Đã nhiều lần anh Q đuổi chị N ra khỏi nhà và chị N phải nhờ thôn đến giải quyết mâu thuẫn. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh Q, chuyện của các con thì các con tự quyết định còn về cháu S con anh Q và chị N thì theo bà D cháu nên ở với chị N vì anh Q thường xuyên uống rượu say xỉn không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2026 về tình trạng hôn nhân của chị Nông Thị N và anh Hà Văn Q, ông Lộc Văn N2 – Trưởng thôn Nà Pì, xã X, tỉnh Thái Nguyên cho biết:

Ông N2 làm trưởng thôn Nà Pì, xã X, tỉnh Thái Nguyên từ năm 2025, trước đó ông làm Công an viên thôn N từ năm 2020. Ông N2 cho biết gia đình anh Q và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do anh Q thường xuyên uống rượu. Ông N2 cùng tổ hòa giải thôn đã nhiều lần nhắc nhở, cảnh cáo anh Q tuy nhiên anh Q vẫn không thay đổi. Đã có 2 lần ông N2 lập biên bản về mâu thuẫn của gia đình chị N và anh Q do anh Q đuổi chị N ra khỏi nhà và đập phá đồ đạc trong nhà (một lần vào ngày 19/4/2025 và một lần vào ngày 26/10/2024). Hiện nay anh Q vẫn thường xuyên say xỉn không làm ăn phụ giúp gia đình.

Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2026 lấy ý kiến của cháu Hà Thúy S về nguyện vọng của cháu sau khi bố mẹ ly hôn, cháu S cho biết:

Cháu là con của bố Q và mẹ N, cháu không muốn bố mẹ ly hôn, muốn bố mẹ quay về chung sống với nhau để cùng nuôi dạy cháu nhưng nếu bố mẹ vẫn quyết định ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nông Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị N trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q và cho chị được trực tiếp nuôi con.

Bị đơn anh Hà Văn Q vắng mặt không có ý kiến gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ các khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N. Chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hà Văn Q. Giao con chung Hà Thúy S, sinh ngày 22/8/2015 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Hà Văn Q. Bị đơn anh Hà Văn Q có nơi cư trú tại: Thôn N (nay là thôn L), xã X, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

Ngày 29/4/2026 chị Nông Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 12/6/2026 theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2014 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã X, tỉnh Thái Nguyên). Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị N: Căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các biên bản xác minh thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Q thường xuyên uống rượu, say xỉn. Tại biên bản lấy lời khai anh Q xác nhận thường xuyên uống rượu nhưng không có mâu thuẫn gì với vợ. Tuy nhiên, tại các biên bản xác minh thấy rằng anh Q thường xuyên say xỉn, chửi mắng chị N, đuổi chị N ra khỏi nhà và chị N đã phải báo chính quyền thôn đến để hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhiều lần.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận hôn nhân giữa chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh Q vì phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Hà Thúy S, sinh ngày 22/8/2015. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Quá trình giải quyết hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Qua xác minh về hoàn cảnh kinh tế, thu nhập, chỗ ở của chị N và anh Q thấy rằng hiện nay anh Q làm nông, trồng keo, trồng mỡ để kiếm tiền, thu nhập trung bình 1 tháng khoảng 1.500.000đ, tuy nhiên anh Q thường xuyên uống rượu, say xỉn không có khả năng chăm sóc con. Chị N đang làm công nhân, có thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng 7.000.000đ. Sau khi chị N ly hôn mẹ đẻ của chị N nhất

trí cho mẹ con chị N chung sống cùng gia đình và giúp chị N chăm sóc con lúc chị N đi làm. Đồng thời xét nguyện vọng của con là được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX xét thấy cần giao con chung cháu Hà Thúy S cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nông Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hà Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Hà Thúy S, sinh ngày 22/8/2015 cho chị Nông Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn anh Hà Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*), chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001779, ngày 28/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Xuân Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thanh Bình